

Bản án số: 46/2018/DS-ST

Ngày: 26/7/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước

2. Bà Võ Thị Gái

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trọng Tường - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/2015/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2017, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2018/QĐST-DS ngày 05/6/2018 và Quyết định tạm hoãn phiên tòa số 65/2018/QĐST-DS ngày 26/6/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A.

Địa chỉ: Số 51 đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Ngọc Vân A, sinh năm 1973 (Văn bản ủy quyền số 17/2017/ABP – CV ngày 05/9/2017).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 6.03, khối G, lô N, chung cư 17.3 ha, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Vân A có đơn xin vắng mặt, Mỹ H vắng mặt không có lý do tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 05/9/2017, các bản tự khai, nguyên đơn - Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A có bà Trần Ngọc Vân A là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 31/12/2014, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A và bà Nguyễn Thị Mỹ H ký Hợp đồng tín dụng số 825-2015/HĐTD-ABP; với số tiền vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); lãi suất 1,1%/ tháng; lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất

tiền vay, lãi suất trả chậm 150% lãi suất tiền vay; thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay kinh doanh rau củ và phương thức trả góp trong 12 kỳ bao gồm 11 kỳ trả 1.891.000 đồng (nợ gốc: 1.667.000 đồng, lãi: 224.000 đồng), kỳ thứ 12 trả 1.887.000 đồng (nợ gốc 1.663.000 đồng, lãi 224.000 đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã thanh toán tổng số tiền là 8.500.000 đồng gồm trả nợ gốc và lãi trong hạn. Tuy nhiên, bà H thường xuyên chậm thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A dù đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bà không có thiện chí trả nợ và vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng tín dụng nên Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A đã chuyển toàn bộ nợ gốc đã vay sang nợ quá hạn.

Nay tại Tòa án, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ H phải thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày xét xử 26/7/2018 là 16.431.000 đồng (*Mười sáu triệu bốn trăm ba mươi một nghìn đồng*) trong đó nợ gốc: 10.688.000 đồng (*Mười triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng*) và nợ lãi phát sinh: 5.743.000 đồng (*Năm triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn đồng*), thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đây là khoản vay nợ cá nhân bà H do đó Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A chỉ yêu cầu bà H trả nợ.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Mỹ H vắng mặt không lý do tại tất cả các buổi cung cấp lời khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà Nguyễn Thị Mỹ H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên về thời hạn chuẩn bị xét xử đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn;

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A số nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 26/7/2018 tổng cộng số tiền 16.431.000 đồng (*Mười sáu triệu bốn trăm ba mươi một nghìn đồng*) trong đó nợ gốc: 10.688.000 đồng (*Mười triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng*) và nợ lãi phát sinh: 5.743.000 đồng (*Năm triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn đồng*) Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn - Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A khởi kiện “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bà Nguyễn Thị Mỹ H đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà Nguyễn Thị Mỹ H hiện đang cư trú tại địa chỉ số 6.03, khối G, lô N, chung cư 17.3 ha, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về thủ tục tố tụng:

+ Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa sơ thẩm là thuộc trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, nguyên đơn – Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A có bà Trần Ngọc Vân A đại diện theo ủy quyền vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn – bà Nguyễn Thị Mỹ H vắng mặt. Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn – bà Nguyễn Thị Mỹ H tại địa chỉ nơi cư trú: số 6.03, khối G, lô N, chung cư 17.3 ha, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự đến Tòa để trình bày lời khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra và giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập đương sự đến Tòa để tham gia hòa giải; Biên bản họp kiểm tra và giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 17/4/2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đương sự đến Tòa để nghe xét xử, Quyết định hoãn phiên Toà; Giấy triệu tập đương sự đến Tòa để nghe xét xử lần 2 theo quy định của pháp luật. Trong tất cả những lần Tòa án niêm yết công khai văn bản tố tụng kể từ khi vụ án được thụ lý vào ngày 05/10/2017, bị đơn – bà Nguyễn Thị Mỹ H đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Phạm vi giải quyết vụ án: Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chỉ giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 17/4/2018, nguyên đơn có mặt đã được tiếp cận, biết và nắm rõ các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, bị đơn vắng mặt nên không xuất trình các tài liệu chứng cứ nhưng các đương sự không có yêu cầu, khiếu nại gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được các bên đương sự giao nộp, tiếp cận, công khai theo quy định tại Điều 91, Điều 95, Điều 96 và Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung yêu cầu:

Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ H thanh toán tiền nợ gốc: 10.688.000 đồng và nợ lãi phát sinh: 5.743.000 đồng từ Hợp đồng tín dụng số 825-2015/HĐTD-ABP ngày 31/12/2015. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có cơ sở xác định: Theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 14/12/2014 của bà Nguyễn Thị Mỹ H (Bút lục số 17), ngày 31/12/2015 Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A và bà Nguyễn Thị Mỹ H ký kết Hợp đồng tín dụng số 825-2015/HĐTD-ABP H (Bút lục số 16) theo đó Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A cho bà Nguyễn Thị Mỹ H vay số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*); lãi suất 1,1%/ tháng; lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất tiền vay, lãi suất trả chậm 150% lãi suất tiền vay; thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay kinh doanh rau củ và phương thức trả góp trong 12 kỳ bao gồm 11 kỳ trả 1.891.000 đồng (nợ gốc: 1.667.000 đồng, lãi: 224.000 đồng), kỳ thứ 12 trả 1.887.000 đồng (nợ gốc 1.663.000 đồng, lãi 224.000 đồng). Quỹ tín dụng đã giải ngân và cùng ngày bà H đã ký Giấy xác nhận nợ H (Bút lục số 14), các thỏa thuận trên không trái quy định pháp luật nên là căn cứ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Theo Bản tóm tắt sao kê ngày 17/7/2018 của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A, quá trình thực hiện thỏa thuận hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị Mỹ H đã không thanh toán đầy đủ cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A theo thông báo giao dịch hàng tháng. Cụ thể đến hạn thanh toán, bà H không thanh toán nên đến ngày 31/5/2016, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A đã chuyển toàn bộ nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và tiến hành các thủ tục thu hồi nợ vay. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A nợ gốc với số tiền là 10.688.000 đồng (*Mười triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

Đối với yêu cầu tiền lãi nợ quá hạn và lãi trả chậm từ ngày 30/6/2016 đến ngày 26/7/2018 là 5.743.000 đồng (*Năm triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy: Theo khoản 6 Điều 1 và khoản 2 Điều 6 Hợp đồng tín dụng số 825-2015/HĐTD-ABP ngày 31/12/2015, hai bên thỏa thuận lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất tiền vay, nếu bên vay trả lãi chậm thì bị phạt trên số vốn phải trả và số ngày chậm trả với lãi suất phạt bằng 150% lãi suất ghi trên của hợp đồng tín dụng và bà H cam kết thực hiện đúng thỏa thuận nêu trên. Mặt khác, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A là tổ chức tín dụng được phép kinh doanh tiền tệ, căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định các tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng. Như vậy, mức lãi suất được Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A sử dụng để tính lãi suất nợ quá hạn và lãi suất trả chậm đối với khoản nợ của bà Nguyễn Thị Mỹ H từ ngày 31/6/2015 đến ngày 26/7/2018 với số tiền 5.743.000 đồng (*Năm triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn đồng*) là có căn cứ để chấp nhận.

Xét ý kiến phát biểu Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2:

Ghi nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc rút kinh nghiệm vì vụ án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 là phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có đầy đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A tổng cộng số tiền 16.431.000 đồng (*Mười sáu triệu bốn trăm ba mươi một nghìn đồng*) trong đó nợ gốc: 10.688.000 đồng (*Mười triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng*) và tiền lãi phát sinh: 5.743.000 đồng (*Năm triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn đồng*), thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu tiền án phí là 821.550 đồng (*Tám trăm hai mươi một nghìn năm trăm lăm mươi đồng*). Hoàn lại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 422.950 đồng (*Bốn trăm hai mươi hai nghìn chín trăm năm mươi đồng*) theo Biên lai thu số AE/2014/0008440 do Chi cục thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 05/10/2017.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 463; Điều 465 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A số nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 26/7/2018 tổng cộng số tiền 16.431.000 đồng (*Mười sáu triệu bốn trăm ba mươi một nghìn đồng*) trong đó nợ gốc: 10.688.000 đồng (*Mười triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng*) và nợ lãi phát sinh: 5.743.000 đồng (*Năm triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn đồng*) Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 27/7/2018 đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 825-2015/HĐTD-ABP ngày 31/12/2015 cho đến khi bà H trả dứt nợ.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 821.550 đồng (*Tám trăm hai mươi một nghìn năm trăm lăm mươi đồng*), bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu. Hoàn lại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 422.950 đồng (*Bốn trăm hai mươi hai nghìn chín trăm năm mươi đồng*) theo Biên lai thu số AE/2014/0008440 do Chi cục thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 05/10/2017, bà Nguyễn Thị Mỹ H chưa nộp tiền án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân Tp. HCM*
- *Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;*
- *Thi hành án dân sự Quận 2;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Vp, hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Dung